

Số: /QĐ-BQL

Ninh Bình, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Tổ hợp lắp ráp thiết bị điện, gia công cơ khí và vật liệu xây dựng” của Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế của Ban Quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Tổ hợp lắp ráp thiết bị điện, gia công cơ khí và vật liệu xây dựng” tại Thông báo kết quả thẩm định số 655/BQL-TB ngày 30/10/2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Tổ hợp lắp ráp thiết bị điện, gia công cơ khí và vật liệu xây dựng” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 1211/CV-HNC ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo ĐTM Dự án “Tổ hợp lắp ráp thiết bị điện, gia công cơ khí và vật liệu xây dựng” theo ý kiến hội đồng thẩm định họp ngày 28/10/2020;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Tổ hợp lắp ráp thiết bị điện, gia công cơ khí và vật liệu xây dựng” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau: Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Yên Khánh;
- UBND xã Khánh Phú;
- Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình;
- Lưu VP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trần Đức Cường

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TỔ HỢP LẮP RÁP THIẾT BỊ ĐIỆN, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày..... của
Ban Quản lý các khu công nghiệp)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án:

Tổ hợp lắp ráp thiết bị điện, gia công cơ khí và vật liệu xây dựng

1.2. Chủ dự án: Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình

Mã số doanh nghiệp 2700913337 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 01/10/2020.

Địa chỉ liên lạc: Lô B2.8, Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Người đại diện: ông Nguyễn Ngọc Hà; Chức vụ: Giám đốc

1.3. Vị trí, phạm vi Dự án:

Lô B2.8, Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình.

Diện tích khoảng 29.606 m².

1.4. Quy mô và công suất sản phẩm của Dự án:

+ Lắp ráp thiết bị khởi động từ (thiết bị điện): 200.000 sản phẩm/năm (Hai trăm nghìn sản phẩm trên năm).

+ Chế tạo, cung cấp tủ điện công nghiệp (thiết bị điện): 50.000 sản phẩm/năm (Năm mươi nghìn sản phẩm trên năm).

+ Sản xuất chế tạo kết cấu thép khung băng tải vận chuyển vật liệu rời (thiết bị cơ khí): 1.000 tấn/năm (Một nghìn tấn sản phẩm trên năm).

+ Sản xuất gạch không nung các loại (Vật liệu xây dựng): 8.000.000 viên/năm (Tám triệu viên trên năm).

1.5. Các hạng mục công trình của Dự án.

- Các hạng mục công trình chính của Dự án:

TT	Hạng mục công trình	ĐVT	Diện tích XD (m ²)	Số lượng	Tổng diện tích (m ²)
1	Khu nhà xưởng công trình chính				
1.1	Xưởng cơ điện	m ²	5.124	1	5.124
	Khu vực sản xuất		4.104		4.104
	Kho nguyên liệu		500		500
	Kho thành phẩm		500		500
	Kho hóa chất		20		20
1.2	Xưởng chế tạo vật liệu xây dựng	m ²	5.124	1	5.124

	Khu vực sản xuất		2688		2688
	Kho nguyên liệu		550		550
	Kho thành phẩm, khu đường gạch		1.886		1.886
1.3	Xưởng cơ khí	m ²	5.124	1	5.124
	Khu vực sản xuất		4.104		4.104
	Kho nguyên liệu		500		500
	Kho thành phẩm		500		500
	Kho hóa chất		20		20

- Các hạng mục công trình phụ trợ tại dự án:

TT	Hạng mục công trình	ĐVT	Diện tích xây dựng (m ²)	Số lượng nhà	Tổng diện tích
1	Nhà văn phòng	m ²	85	3	255
2	Trạm điện	m ²	16	1	16
3	Bể chứa nước sạch và PCCC	m ²	132	1	132
4	Nhà bảo vệ	m ²	12	2	24
5	Nhà xe	m ²	75	2	150
6	Đường giao thông	m ²			5.545,46
7	Cây xanh	m ²			7.995,54
8	Hệ thống cấp thoát nước		Thiết kế đi ngầm		
9	Hệ thống cấp điện		Thiết kế đi ngầm		

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

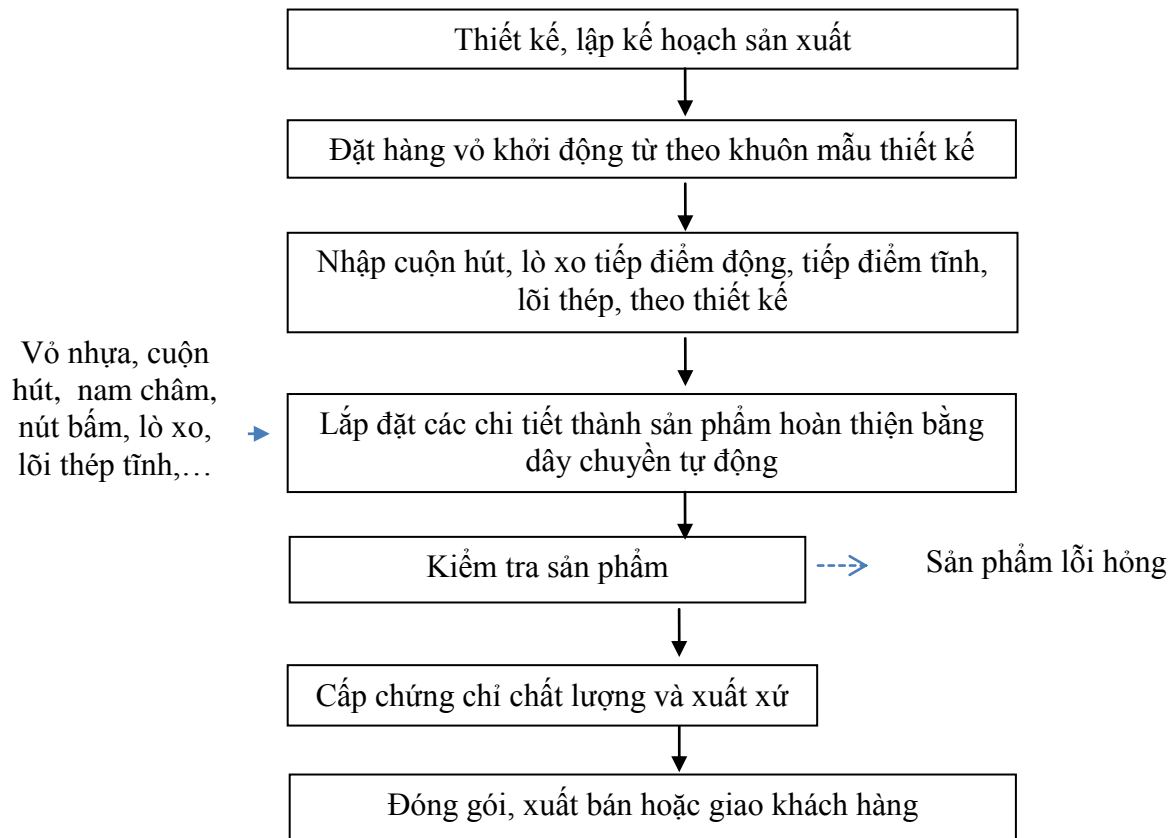
TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Vị trí lắp đặt
I	Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải				
1	Quạt thông gió	Chiếc	24	Công suất 1,1kW, lưu lượng gió 40.000m ³ / giờ	Lắp đặt 8 quạt tại 1 xưởng sản xuất. Lắp đặt tại 3 xưởng
2	Hệ thống xử lý khí thải hàn tự động, bán tự động	Hệ thống	01	Công suất 45.000 m ³ /h	Lắp đặt tại xưởng cơ khí

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Vị trí lắp đặt
3	Thiết bị xử lý khói hàn thủ công di động	Chiếc	03	Công suất 5.000 m ³ /h	-
4	Hệ thống xử lý khí thải máy phun bi	HT	01	Công suất 12.000 m ³ /h	Lắp đặt đồng bộ tại buồng phun bi
5	Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn	HT	03	Công suất 12.000 m ³ /h	Lắp đặt đồng bộ tại 03 buồng phun sơn
6	Bộ lọc bụi xi măng	HT	01	Công suất 0,18kW	Lắp đặt đồng bộ với xi lô cấp liệu xi măng
II	Công trình thu gom, xử lý nước thải				
1	Bể tự hoại	BỂ	03	7,5 m ³ /bể; tổng 22,5m ³	Bể tự hoại đặt tại khu vệ sinh của cán bộ công nhân cạnh 3 nhà văn phòng.
2	Bể tách dầu mỡ	BỂ	01	3 m ³	-
3	Bể lắng nước thải rửa máy trộn	BỂ	01	3 m ³	Đặt tại xưởng sản xuất vật liệu xây dựng
4	Bể chứa nước thải vệ sinh thiết bị dụng cụ sơn, nước thải từ quá trình xử lý bề mặt sản phẩm sơn lỗi trong chế tạo thiết bị cơ khí	BỂ	01	5m ³	Đặt tại khu vực sơn
5	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn	HT	01	-	Hệ thống cống thoát nước mưa được bố trí xung quanh trong khuôn viên Nhà máy
6	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	HT	01		Hệ thống thoát nước thải được bố trí dọc khu vực nhà ăn và khu vực nhà vệ sinh...
7	Hệ thống XLNT sinh hoạt	HT	01	Công suất 15 m ³ /ngày	Khu xử lý nước thải nằm về phía bắc dự án.

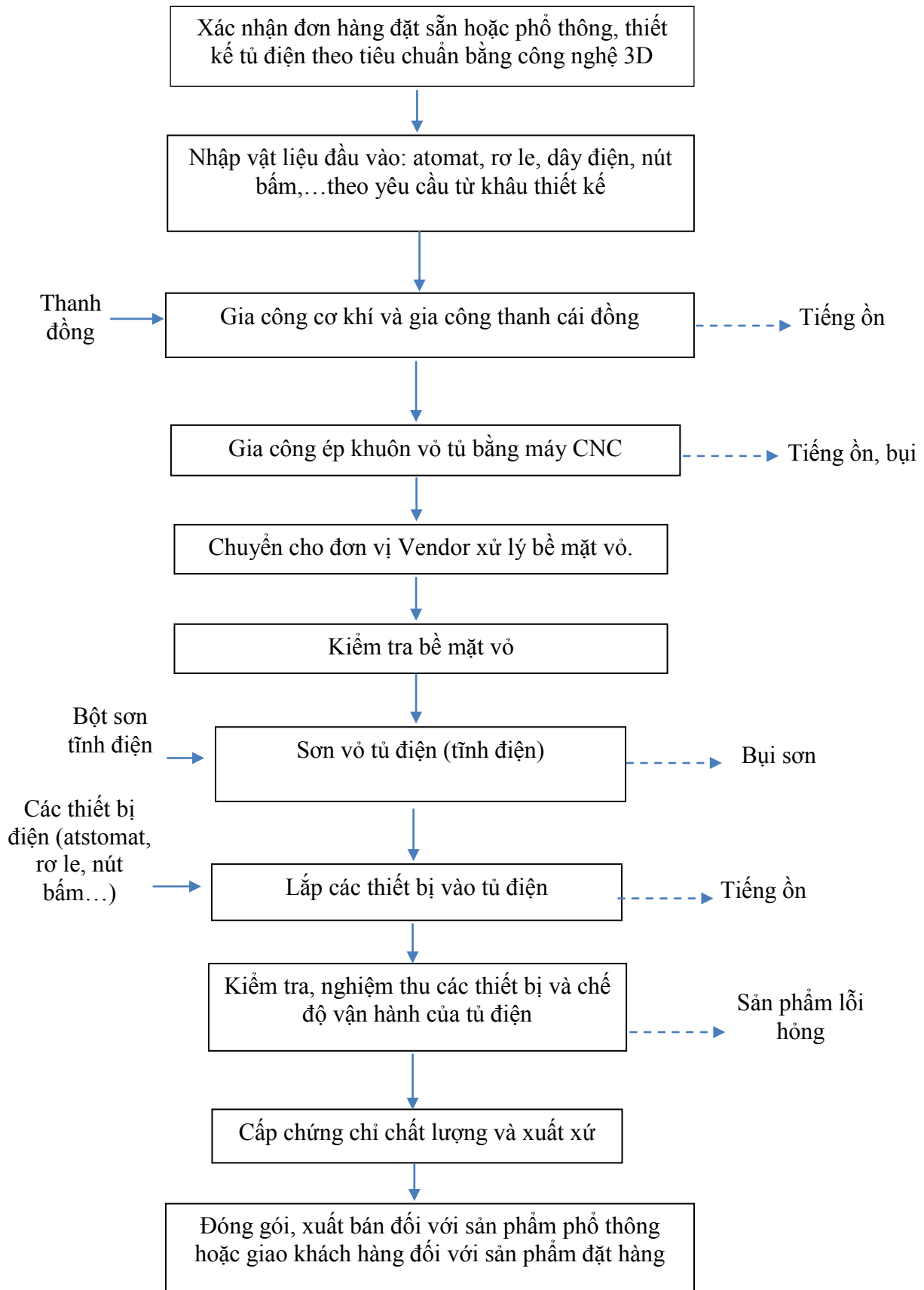
TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Vị trí lắp đặt
III	Công trình thu gom, lưu giữ chất thải				
13	Kho rác chung 52 m ²	Ngăn chứa chất thải sinh hoạt	01	12m ²	Phía bắc dự án gần khu xử lý nước thải
		Ngăn chứa chất thải thông thường	01	20m ²	
		Ngăn chứa chất thải nguy hại	01	20m ²	
14	Thùng chứa chất thải sinh hoạt	120 lít	25	thùng	Đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn, hành lang
		20 lít	15	thùng	
		240 lít	2	thùng	
15	Thùng chất thải sản xuất	Thùng 1 m ³ dạng xe đẩy	5	thùng	Đặt tại xưởng sản xuất
		Thùng 1m ³ dạng thùng hộp	10	thùng	
16	Chất thải nguy hại	120-240 lít	9	thùng	Đặt tại ngăn chứa CTNH
IV	Công trình phòng ngừa sự cố				
17	Hệ thống PCCC	HT	01	Bình bột cứu hỏa, chăn chiên, họng nước chữa cháy, vòi nước chữa cháy...	
18	Hệ thống chống sét	HT	01	-	

1.6. Công nghệ sản xuất và vận hành.

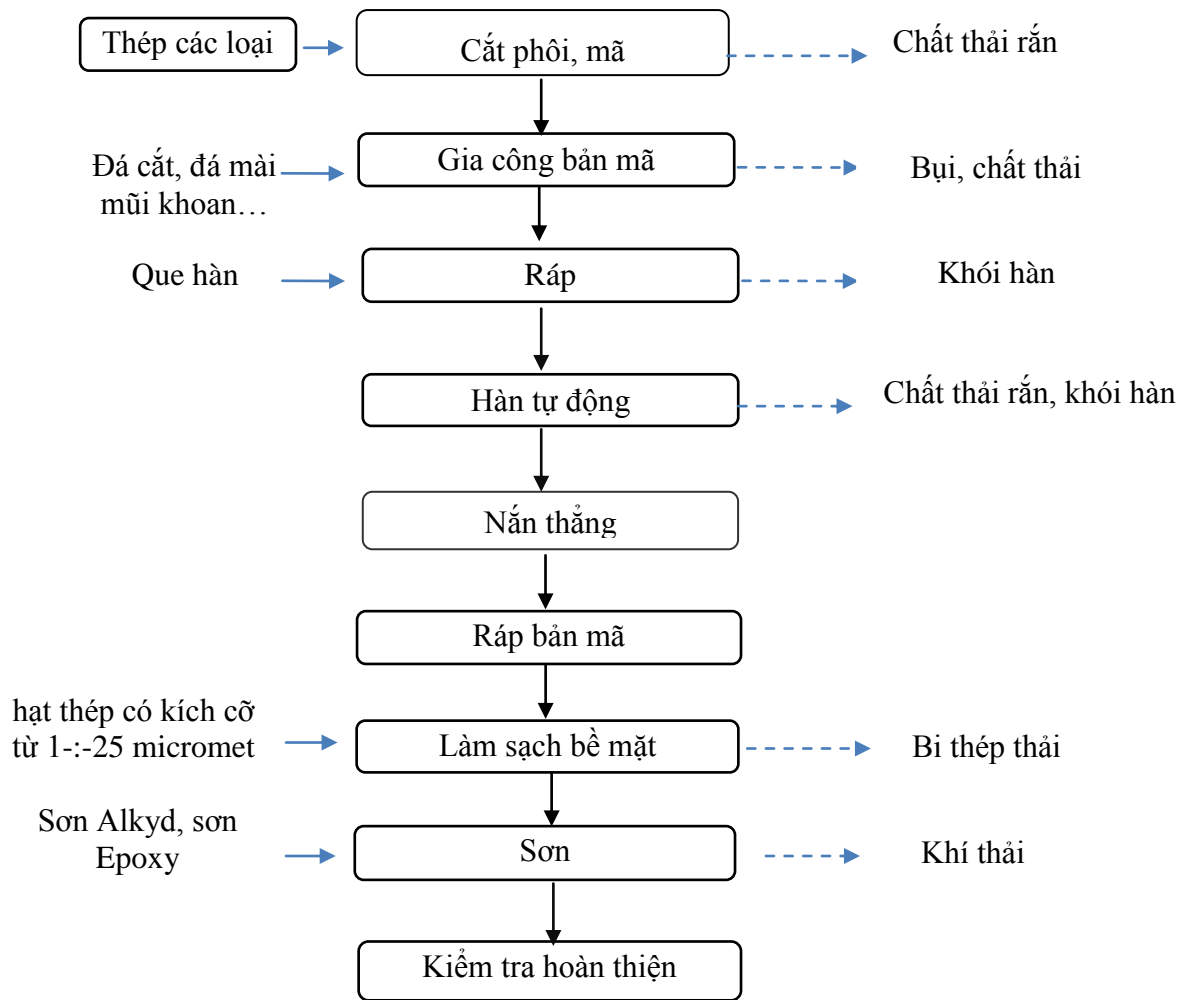
- Quy trình sản xuất thiết bị khởi động từ:



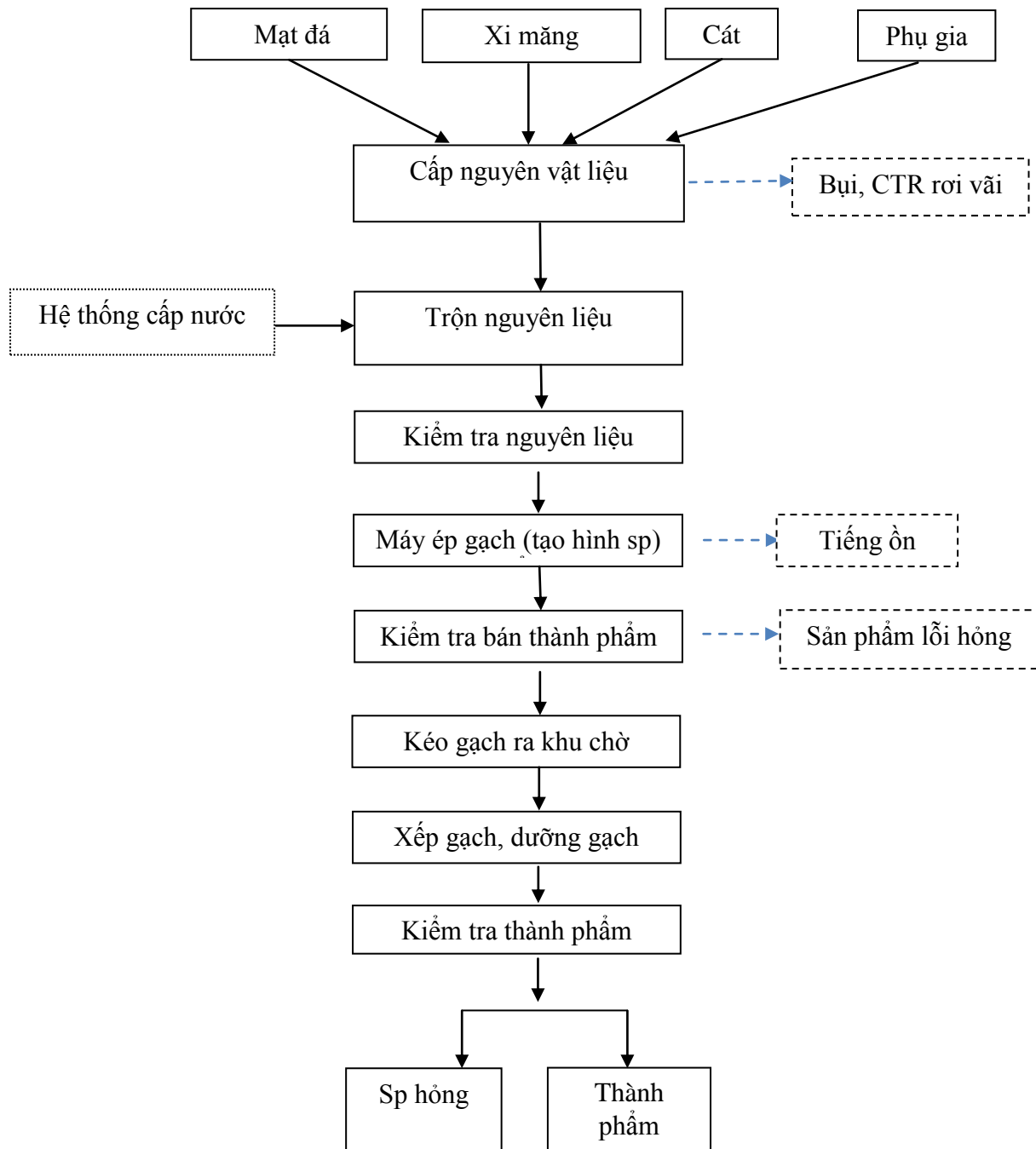
- Quy trình sản xuất tủ điện công nghiệp:



- Quy trình sản xuất thiết bị cơ khí:



- Quy trình sản xuất gạch không nung



2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

2.1.1. Trong quá trình xây dựng:

- Tác động do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.
- Tác động do hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Tác động do hoạt động của thiết bị máy móc thi công.
- Tác động do hoạt động của công nhân trên công trường.

2.1.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại dự án:

- Tác động do hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.
- Tác động từ hoạt động sản xuất gồm: gia công kim loại; quá trình hàn; quá trình xử lý bề mặt sản phẩm bằng máy phun bi, quá trình sơn, quá trình sản xuất gạch không nung.
- Tác động do hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- Tác động do sự cố các công trình bảo vệ môi trường và dây chuyền sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải thi công phát sinh với lưu lượng: $6,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải thi công là đất, cát xây dựng, dầu mỡ.
- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng: 305 lít/s. Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt kéo theo đất cát có độ đục tương đối cao.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng: $1,8\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Thành phần ô nhiễm trong nước thải bao gồm: chất rắn lơ lửng (TSS), BOD, COD, dầu mỡ động, thực vật, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms.

2.2.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh : $3,375\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Thành phần nước thải sinh hoạt gồm BOD₅, tổng nitơ, tổng photpho, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, Amoni.
- Nước thải từ khu vực nhà ăn: $1,875\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần nước thải nhà ăn gồm BOD₅, tổng nitơ, tổng photpho, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, Amoni.
- Nước thải phát sinh từ khu vực sản xuất gồm:
Nước thải từ vệ sinh máy trộn là $0,9\text{ m}^3/\text{ngày}$.
Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị phun sơn, xử lý bề mặt sản phẩm cơ khí sơn lỗi là $0,7\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng: 915 lít/s. Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt kéo theo đất cát có độ đục tương đối cao.

2.2.3. Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt: $4,5\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Thành phần nước thải sinh hoạt gồm BOD₅, tổng nitơ, tổng photpho, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, Amoni.
- Nước thải từ khu vực nhà ăn: $2,5\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần nước thải nhà ăn gồm BOD₅, tổng nitơ, tổng photpho, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, Amoni.

- Nước thải vệ sinh máy trộn bê tông: $1,2\text{m}^3/\text{ngày}$; Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng.

- Nước thải vệ sinh thiết bị phun sơn và nước thải phát sinh từ quá trình xử lý bề mặt sản phẩm cơ khí sơn lỗi: $0,9\text{m}^3/\text{ngày}$; Thành phần chủ yếu là Cặn sơn, cặn lơ lửng, COD cao.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng: 915 lít/s. Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt kéo theo đất cát có độ đục tương đối cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, thi công các hạng mục công trình. Thành phần chủ yếu bụi, SO_2 , NO_x , CO.

2.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi và khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông vận tải, từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu. Thành phần chủ yếu bụi, SO_2 , NO_x , CO.

- Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất:

+ Bụi phát sinh từ quá trình gia công kim loại: bụi kim loại.

+ Bụi phát sinh từ quá trình hàn: Bụi, khói hàn

+ Bụi phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt bằng máy phun bi: Bụi kim loại

+ Bụi phát sinh từ quá trình sơn: Bụi sơn, hơi dung môi (xylen).

+ Bụi xi măng phát sinh từ quá trình nạp liệu xi măng cho quá trình sản xuất gạch.

+ Bụi khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn xây dựng: phát sinh với khối lượng $668\text{ kg}/\text{ngày}$.

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh với khối lượng $12-20\text{ kg}/\text{ngày}$.

2.4.3. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Chất thải rắn sản xuất thông thường: phát sinh với khối lượng $1,96\text{ tấn}/\text{ngày}$

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh với khối lượng $37,5\text{ kg}/\text{ngày}$.

2.4.4. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sản xuất thông thường: phát sinh với khối lượng $2,6\text{ tấn}/\text{ngày}$

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh với khối lượng $50\text{ kg}/\text{ngày}$.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng $50,15\text{ kg}/\text{tháng}$, thành phần chủ yếu giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang, dầu thải.

2.5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Chất thải nguy hại thải bỏ phát sinh với khối lượng $136\text{ kg}/\text{tháng}$. Thành phần chủ yếu giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang, dầu thải, bông lọc thải, than hoạt tính thải bỏ, que hàn, xỉ hàn, thùng đựng sơn, ...

2.5.3. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại thải bỏ phát sinh với khối lượng 2180 kg/năm, thành phần chủ yếu gồm bóng điện huỳnh quang, cặn dầu mỡ, đầu mẫu que hàn, thùng đựng sơn, than hoạt tính thải bỏ, giẻ lau dính dầu,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác

2.6.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Độ rung, tiếng ồn từ hoạt động thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển và máy móc, thiết bị thi công.

- Các sự cố môi trường như an toàn lao động, cháy nổ, an toàn giao thông.

2.6.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động các phương tiện giao thông.

- Tiếng ồn, độ rung từ các máy móc sản xuất.

- Sự cố môi trường đối với trạm XLNT, hệ thống xử lý khí thải; cháy nổ, an toàn lao động.

2.6.2. Giai đoạn vận hành dự án:

- Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động các phương tiện giao thông.

- Tiếng ồn, độ rung từ các máy móc sản xuất.

- Sự cố môi trường đối với trạm XLNT, hệ thống xử lý khí thải; cháy nổ, an toàn lao động.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a. Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

- Trang bị 05 khu nhà vệ sinh di động kích thước 1450 x 800 x 2500mm có dung tích bể chứa chất thải là 2.000 lít

- Định kỳ 5 ngày/lần thuê đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý đúng quy định.

b. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

- Nước mưa chảy tràn bề mặt sẽ được công ty làm rãnh thoát tạm thời có kích thước 30x30cm dẫn về tuyến cống thoát nước hiện có sau đó thoát ra hệ thống thoát nước của khu công nghiệp Khánh Phú.

- Đối với khu vực chứa nguyên vật liệu xây dựng và bãi vật liệu đổ thải sẽ được công ty phủ bạt, xếp gạch xung quanh bãi chứa nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn qua khu vực này.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn, tiến hành nạo vét định kỳ 2 tuần/1 lần để khơi thông dòng chảy.

c. Hệ thống thu gom, thoát nước thải thi công:

Đối với nước thải thi công phát sinh do quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, nước rửa xe... sẽ được đưa vào hố ga lắng cặn và lọc dầu mỡ bằng lưới vải chuyên dụng, kích thước của hố ga lắng cặn là $L \times B \times H = 2000 \times 2000 \times 1.000$ mm, dung tích chứa nước 4 m³, rồi tái sử dụng để trộn vật liệu, phun rửa đường, đập bụi, không thải vào hệ thống thoát nước của khu vực.

3.1.2. Giai đoạn vận hành dự án

a. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa mái: Nước mưa theo các ống PVC Φ 140 từ trên mái các công trình chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt phía dưới.

- Hệ thống thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga thu gom nước mưa xung quanh các công trình, sân đường nội bộ để thu gom nước mưa vào các rãnh hở có kích thước BxH 500x400mm và BxH 600x600mm.

- Tổng chiều dài hệ thống rãnh thoát nước mưa 500*400mm là 582,5 m;

- Tổng chiều dài hệ thống rãnh 600*600mm là 135 m.

- Số hố ga: 21 hố

Toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn của dự án được xả vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Khánh Phú thông qua 03 điểm xả.

b. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, nước thải nhà vệ sinh, nhà bếp được thu gom bằng đường ống PVC với kích thước phù hợp về các bể thu gom xử lý.

- Nước thải sinh hoạt của Nhà máy được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (03 bể với tổng dung tích 22,5m³; mỗi bể 7,5m³), nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ (dung tích 3m³) các loại nước thải này sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

+ Công suất xử lý: 15 m³ /ngày đêm.

+ Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau: Nước thải đi vào bể gom (dung tích khoảng 2,5m³) → bể điều hòa (dung tích khoảng 12m³) → bể thiếu khí (dung tích khoảng 7,5m³) → bể hiếu khí (dung tích khoảng 16,5m³) → bể lắng (dung tích khoảng 6m³) → bể khử trùng (dung tích khoảng 0,768m³), bùn thải phát sinh được đưa về bể chứa bùn có dung tích khoảng 2,85m³.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Nguồn tiếp nhận: Nước thải sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Khánh Phú

- Nước thải vệ sinh máy trộn của dây chuyền sản xuất gạch không nung được thu gom bằng rãnh thoát nước kích thước 300 x 300mm với tổng chiều dài 25m vào bể lắng hai ngăn dung tích khoảng 3m³ để lắng cặn, sau đó nước thải đi ra được tái sử dụng để phun đá, cát vật liệu.

- Nước thải phát sinh từ vệ sinh thiết bị phun sơn, xử lý bề mặt sản phẩm cơ khí bị lỗi khi sơn sẽ được thu gom vào thùng composit/bể chứa có thể tích 5m³, định kỳ 5 ngày/lần thuê đơn vị có chức năng hút đưa đi xử lý như chất thải nguy hại.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công

a. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ hoạt động vận chuyển:

- Xe vận chuyển đi ra khỏi công trường thi công sẽ được phun rửa làm sạch lốp xe nếu có hiện tượng bám bẩn bùn đất.

- Các phương tiện chở đúng tải trọng quy định, không chuyên chở hàng hóa vượt quá trọng tải danh định;

- Đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu cần che bạt kín thùng xe và buộc chặt tránh rơi vãi cát, sỏi,... và phát tán bụi trong quá trình vận chuyển;

- Quy định tốc độ giới hạn của các phương tiện vận tải và yêu cầu lái xe chấp hành.

- Lên kế hoạch thi công và cung cấp vật tư hợp lý, hạn chế việc tập kết các vật tư, tập trung vào cùng một thời điểm và tránh giờ cao điểm gây ắc tắc giao thông.

- Sử dụng các phương xe tải đã được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên.

b. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy móc, thiết bị:

- Lựa chọn máy móc thi công có kiểm định, máy phù hợp công suất cần thiết, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ.

- Lập chốt phun rửa gầm xe tại cổng công trường (chỉ xây dựng tại cổng vận chuyển VLXD còn 1 cổng dành cho cán bộ, công nhân thì không phải xây dựng).

3.2.2. Giai đoạn vận hành dự án

a. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải giao thông:

- Khi xe lưu thông trong khuôn viên dự án cần giảm tốc độ

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ ô nhiễm môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác chuyên chở nguyên, nhiên, vật liệu và sản phẩm.

- Sử dụng các phương tiện giao thông vận tải sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp hơn, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

- Các phương tiện giao thông vận tải không được chở quá trọng tải quy định.

- Tăng cường bảo dưỡng, không sử dụng xe đã quá niên hạn sử dụng.

- Bố trí nhân lực vệ sinh, quét dọn, thu gom rác khu vực dự án.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh và phun nước chống bụi. Tưới nước làm ẩm đường giao thông nội bộ hàng ngày. Tần suất tưới nước phun ẩm đường 2 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu bụi từ công đoạn gia công cơ khí (cắt, đục lỗ).

- Bố trí các máy cắt, đục lỗ, máy tiện tại những vị trí thích hợp, (như nơi khuất gió, khu vực góc của nhà xưởng) để tránh phát tán bụi ra xung quanh khu vực làm việc.

- Trang bị bảo hộ lao động (kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ).

- Tại các vị trí cắt, đục lỗ bố trí các thùng chứa bụi sắt để thu gom tạm thời.

- Bố trí lao công thu dọn thường xuyên lượng bụi lắng trên sàn và đổ vào nơi quy định trước khi đem xử lý.

- Bụi kim loại nặng, mạ, bavia, mẫu vụn kim loại: Cuối mỗi ca hoặc mỗi ngày, công nhân đều phải dùng máy quét khu vực xung quanh máy và đổ kim loại thừa vào thùng đựng phế liệu ngay bên cạnh máy, dùng xe đẩy tay để chuyển về kho lưu trữ chất thải rắn thông thường của công ty.

c. Biện pháp giảm thiểu bụi từ công đoạn làm sạch bề mặt bằng phun bi thép

- Máy phun bi đã được lắp đặt đồng bộ hệ thống xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Khí thải theo ống dẫn khí đi vào hệ thống lọc bụi túi công suất 12.000 m³/h, bụi bị giữ lại và được thu hồi, khí sau khi loại bỏ bụi đạt QCVN 19:2009/BNTMT theo quạt hút (công suất 15KW) đi ra ngoài qua ống xả khí cao 5m, đường kính khoảng D600.

d. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ công đoạn hàn thủ công

- Khí thải từ công đoạn hàn thủ công theo được xử lý bằng 03 máy hút khói bụi di động (kích thước 820 x 870 x 1920 mm) với quy trình như sau: khói hàn phát sinh sẽ bị quạt hút (lưu lượng 5.000m³/h, công suất 5,5kW) của máy hút theo chụp hút, đường ống về bộ lọc khói bụi trong máy hút khói bụi di động. Máy sử dụng màng lọc HEPA kích thước 380*420mm, có tác dụng loại bỏ hạt bụi có đường kính nhỏ hơn 2,5 micromet. Khi dòng khói xuyên qua màng lọc HEPA các hạt bụi sẽ được giữ lại, dòng khí sạch thoát ra ngoài môi trường thông qua ống thoát khí và đạt chất lượng cột B, QCVN 19:2009/BTNMT.

e. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn tự động, bán tự động

- Khí thải được quạt hút (công suất 45.000m³/h) hút vào tháp xử lý (kích thước 1,9m*1,3m*1m; vật liệu thép SS400 dày 3 mm, đáy dày 4mm; trong tháp hấp phụ bố trí lớp lọc bằng vải và lớp lọc bằng than hoạt tính) sau đó thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao 10m.

f. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ dây chuyền sơn:

- Bụi và khí thải từ quá trình sơn sẽ được xử lý bằng hệ thống lắp đặt đồng bộ với buồng phun sơn: Bụi sơn sẽ được các tấm lọc bằng sợi thủy tinh (bộ lọc thô 1), giữ lại, khí thải sẽ được quạt hút về ngăn thu gom khí thải sau đó dẫn qua bộ phận lọc khô 2 (bằng vải lọc hoặc giấy lọc chuyên dụng) để tiếp tục loại bỏ các hạt cặn sơn mà bộ lọc thô 1 không giữ lại được. Khí thải tiếp tục được dẫn qua bộ lọc hấp phụ bằng than hoạt tính để đảm bảo QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài.

g. Biện pháp giảm thiểu tác động từ quá trình sản xuất gạch không nung

- Bụi xi măng phát sinh từ quá trình chuyển từ si lô chứa sang thùng trộn sẽ được giữ lại trong các thiết bị lọc bụi lắp trên các silo và sau đó rơi xuống silo. Thiết bị lọc bụi gồm các túi vải lọc bụi (chất liệu Polyplester, độ dày 1,2mm).

h. Hệ thống thông gió nhà xưởng

- Nhà xưởng xây dựng cao, có cửa mái, sử dụng quạt cây công nghiệp để thông thoáng khu vực làm việc; lắp đặt 24 quạt hút công nghiệp công suất 40.000m³/h, lưu lượng không khí được cấp liên tục vào nhà xưởng đồng thời đẩy không khí nóng trong nhà xưởng ra ngoài.

3.3. Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

3.3.1. Giai đoạn thi công

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Dự án bố trí 02 thùng chứa (V = 1 m³/thùng), loại có bánh đẩy và nắp để lưu trữ rác thải trên công trường.

+ Vị trí đặt thùng gần cổng vào dự án và khu lán trại văn phòng làm việc.

+ Nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với tần suất 2-3 lần/tuần.

b. Chất thải rắn xây dựng

- Công ty sẽ bố trí khu vực tập kết vật liệu thải với diện tích khoảng 50m² để lưu chứa tạm thời trong thời gian chờ đơn vị có chức năng đến thu gom.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đem đi xử lý theo các quy định hiện hành đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng san nền tại chỗ theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

c. Chất thải nguy hại:

Trong quá trình xây dựng, Công ty đã thực hiện phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa CTNH chuyên dụng có dung tích 60-240 lít (thùng chứa bằng composit có nắp đậy). Các thùng chứa CTNH được lưu giữ trong kho chứa CTNH tạm thời diện tích 15m² có mái che để lưu trữ. Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT về Quản lý chất thải nguy hại;

3.3.2. Giai đoạn vận hành

a. Chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 2 thùng loại 240 lít, 15 thùng loại 20 lít và 25 thùng loại 120 lít để thu gom CTR khu vực nhà xưởng, nhà bếp, khu vực hành lang.

- Bố trí 1 ngăn chứa chất thải sinh hoạt diện tích 12m² trong kho chứa rác chung.

- Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định.

b. Chất thải rắn sản xuất thông thường

- Trang bị 5 thùng dạng xe đẩy 1m³ và 10 thùng dạng thùng hộp 1m³.

- Bố trí 1 ngăn chứa chất thải thông thường có diện tích 20m² nằm trong kho chứa rác chung.

- Định kỳ 1 tháng/lần công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom xử lý.

c. Chất thải nguy hại:

- Trang bị 9 thùng chất thải nguy hại dung tích từ 120-240l.

- Bố trí 1 ngăn chứa chất thải thông thường có diện tích 20m² nằm trong kho chứa rác chung.

- Định kỳ 1 tháng/lần công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom xử lý.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.4.1. Giai đoạn xây dựng

+ Sắp xếp thời gian và sử dụng các thiết bị cho công tác thi công một cách hợp lý, hạn chế vận hành đồng thời đối với những thiết bị có thể phát ra tiếng ồn lớn ảnh hưởng tới xung quanh khu vực Dự án. Hạn chế thời gian gây ra tiếng ồn lớn và luôn duy trì chúng ở một tình trạng làm việc tốt.

+ Khuyến khích nhà thầu sử dụng các thiết bị có mức độ gây ồn thấp (như sử dụng thiết bị thi công có mức ồn 83 dBA).

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân

+ Đảm bảo tiếng ồn, độ rung nằm trong quy chuẩn cho phép, không thực hiện các công đoạn có tiếng ồn vào buổi tối từ 22h đêm đến 6h sáng hôm sau.

3.4.2. Giai đoạn hoạt động của dự án

- Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các bệ chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu trơn thường kỳ.
- Xây tường chắn và lắp các ván tiêu âm tại những khu vực có độ ồn cao.
- Khu điều hành sản xuất được cách ly riêng.
- Bố trí trồng cây xanh đảm bảo đủ tỷ lệ.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh giờ nghỉ của nhân dân quanh khu vực.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực ồn lớn.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi hệ thống xử lý khí thải hoạt động không hiệu quả:

- Dừng hoạt động của nhà máy.
- Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.
- Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.
- Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố. Chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.
- Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

b. Sự cố với hệ thống xử lý nước thải:

- Khi xảy ra sự cố mức độ nhỏ, cán bộ vận hành tiến hành tự khắc phục theo hướng dẫn vận hành, bao gồm điều chỉnh bơm, điều chỉnh định lượng hóa chất, điều chỉnh lưu lượng sục khí theo đúng tài liệu hướng dẫn vận hành.
- Trường hợp cán bộ vận hành không thể khắc phục được, dừng hoạt động sản xuất và dừng hoạt động xả thải nước thải. Sau đó yêu cầu nhà thầu thi công hệ thống xử lý khẩn trương khắc phục sự cố để hệ thống đi vào vận hành ổn định.

c. Sự cố cháy nổ:

- Định kỳ kiểm tra chế độ làm việc của máy móc thiết bị và tình trạng nhà xưởng.
- Đề ra quy định cụ thể về an toàn lao động và yêu cầu mọi cán bộ công nhân viên thực hiện đúng.
- Hệ thống đường điện đảm bảo hành lang an toàn điện, các thiết bị điện được nối đất.
- Hàng năm có kế hoạch huấn luyện và kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy được bố trí, lắp đặt theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.
- Xây dựng các phương án phòng cháy chữa cháy và nội quy an toàn cháy nổ. Bảng nội quy được treo ở vị trí dễ thấy, có nhiều người qua lại nhất.
- Công ty sẽ lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng để phát hiện sự cố kịp thời.

d. An toàn lao động

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân và nhân viên làm việc trong khu vực sản xuất như: gang tay, khẩu trang, giày, mũ, quần áo bảo hộ...
- Quy định an toàn lao động của Nhà máy: Kỹ sư, các chuyên viên kỹ thuật có nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện, cập nhật các quy định về an toàn lao động của nhà máy, tập huấn cho cán bộ công nhân viên và giám sát việc tuân thủ các quy định này.
- Tập huấn cho nhân viên về các quy định an toàn lao động: trước khi vào làm việc tại Nhà máy, các nhân viên đều được đào tạo về dây chuyền sản xuất, công nghệ và các quy định về an toàn lao động trong quá trình sản xuất. Hàng năm nhà máy tổ chức hội thi an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ: Các máy móc trang thiết bị của Nhà máy được định kỳ bảo trì, bảo dưỡng để kịp thời phát hiện và khắc phục các hỏng hóc, hạn chế tối đa nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: 01 hệ thống.
- 01 bể lắng xử lý nước thải máy trộn có thể tích 3m^3 , 01 bể chứa nước thải vệ sinh thiết bị phun sơn, nước thải xử lý bề mặt sản phẩm cơ khí bị lỗi khi sơn 5m^3 .
- Hệ thống xử lý khí thải hàn: 01 hệ thống.
- Thiết bị xử lý khói hàn di động: 03 thiết bị.
- Hệ thống xử lý khí thải máy phun bi: 01 hệ thống.
- Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn: 03 hệ thống.
- 01 kho rác chung 52m^2 chia làm 03 ngăn (01 ngăn chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 12m^2 ; 01 ngăn chứa chất thải thông thường có diện tích 20m^2 ; 01 ngăn chứa chất thải nguy hại có diện tích 20m^2).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí:

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Vị trí các điểm giám sát: 03 vị trí gồm 01 vị trí tại cổng ra vào dự án; 02 vị trí tại khu vực xây dựng nhà máy theo 2 hướng đầu và cuối gió.
- Thông số giám sát: Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió), tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO_x.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn:

Giám sát khối lượng, phân định, phân loại chất thải phát sinh

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

5.2.1. Giám sát nước thải:

Thực hiện giám sát chất lượng nước thải phát sinh trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.2.2. Giám sát khí thải:

- Tần suất giám sát: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Vị trí các điểm giám sát: 05 vị trí gồm 3 ống xả ra môi trường của 03 buồng sơn; 01 ống xả ra môi trường của buồng phun bi; 01 vị trí sau hệ thống xử lý khói hàn.
- Thông số giám sát: Bụi; Nhiệt độ, CO, SO₂, Nox (đối với vị trí sau hệ thống xử lý của 03 buồng sơn, khói hàn); xylen (đối với vị trí sau hệ thống xử lý của 3 buồng sơn).
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn:

Giám sát khối lượng, phân định, phân loại chất thải phát sinh.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại

5.3.1. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

NT1: Mẫu nước thải trước xử lý lấy tại bể gom của trạm XLNT

NT2: Mẫu nước thải sau xử lý lấy sau bể khử trùng

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, sunfua (H₂S), Amoni, Nitrat (NO₃-), dầu mỡ động thực vật, tổng chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng coliforms.

- Quy chuẩn giám sát: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B

5.3.2. Giám sát khí thải

- Tần suất: 3 tháng/lần

- Vị trí các điểm giám sát : 05 vị trí gồm: 3 ống xả ra môi trường của 03 buồng son; 01 ống xả ra môi trường của buồng phun bi; 01 mẫu khí thải sau hệ thống xử lý khói hàn.

- Thông số giám sát: Bụi; Nhiệt độ, CO, SO₂, NO_x (đối với vị trí sau hệ thống xử lý của 03 buồng son, khói hàn); xylen (đối với vị trí sau hệ thống xử lý của 3 buồng son).

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT.

5.3.3. Giám sát không khí môi trường lao động

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 03 vị trí gồm tại xưởng vật liệu xây dựng; xưởng cơ khí; xưởng cơ điện.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, CO, SO₂, NO, bụi, tiếng ồn.

- Quy chuẩn giám sát: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

5.3.4. Giám sát chất thải rắn:

- Tần suất giám sát: Hàng ngày

- Vị trí giám sát: Vị trí lưu giữ chất thải

- Thông số giám sát: khối lượng chất thải phát sinh, cách thức phân loại, quản lý, thu gom và xử lý chất thải.

- Quy định giám sát: theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện kèm theo và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, nổ theo quy định hiện hành.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

- Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, chủ dự án có những thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường 2014 phải báo cáo bằng văn bản cho Ban quản lý các khu công nghiệp và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

- Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát trước khi vận hành theo đúng quy định.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày gửi về Ban Quản lý các khu công nghiệp để kiểm tra, xác nhận theo quy định./.